

Số: 293/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục các học phần cốt lõi thuộc  
Chương trình đào tạo Từ xa liên thông từ trình độ đại học sang đại học  
Ngành Ngôn ngữ Anh – chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-ĐHTCM ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-ĐHTCM ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành chương trình đào tạo (chương trình chuẩn) định hướng ứng dụng trình độ đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-ĐHTCM ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo Từ xa trình độ Đại học tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 3001/QĐ-ĐHTCM ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành danh mục các học phần cốt lõi thuộc Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ đại học sang đại học;*

*Theo đề nghị của Viện Đào tạo thường xuyên, Trường phòng Quản lý khoa học.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các học phần cốt lõi thuộc chương trình đào tạo Từ xa liên thông trình độ Đại học sang Đại học ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh

**Điều 2.** Danh mục các học phần được quy định tại Điều 1 được áp dụng, thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý khoa học, Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./\

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, QLKH, ĐTTX



**PGS.TS Phạm Tiến Đạt**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**★ DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN CỐT LÕI THUỘC  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA LIÊN THÔNG  
TỪ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC SANG ĐẠI HỌC  
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH – CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH KINH DOANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 293/QĐ-ĐHTCM ngày 27 tháng 02 năm 2024  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
<b>I. NGOẠI NGỮ: 10 TÍN CHỈ</b>									
1	011139	Tiếng Trung 1	3	2	1	0	0	105	
2	011200	Tiếng Trung 2	3	2	1	0	0	105	
3	011201	Tiếng Trung 3	4	3	1	0	0	140	
<b>II. KIẾN THỨC CƠ SỞ: 11 TÍN CHỈ</b>									
4	010636	Grammar (Ngữ pháp)	3	1	2	0	0	105	
5	011408	Listening – Speaking 3 (Nghe – Nói 3)	3	1	1	1	0	90	
6	010642	Writing 2 (Viết 2)	3	1	2	0	0	105	
7	011405	Pronunciation (Luyện phát âm)	2	1	0	1	0	55	
<b>III. KIẾN THỨC NGÀNH: 5 TÍN CHỈ</b>									

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
<i>Học phần bắt buộc</i>									
8	010348	Morphology – Syntax (Hình thái học – Cú pháp học)	3	1	2	0	0	105	
9	011040	Semantics (Ngữ nghĩa học)	2	1	1	0	0	70	
<b>IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 34 TÍN CHỈ</b>									
10	010363	Reading 3 (Đọc hiểu 3)	3	1	2	0	0	105	
11	010643	Writing 3 (Viết 3)	3	1	2	0	0	105	
12	011418	Business Communication Skills (Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh kinh doanh)	3	1	1	1	0	90	
13	011409	Translation (Biên dịch)	3	1	1	1	0	90	
14	011419	Interpretation (Phiên dịch)	3	1	1	1	0	90	
15	011410	English for Marketing (Tiếng Anh Marketing)	3	1	1	1	0	90	
16	011411	English for Management (Tiếng Anh Quản trị)	3	1	1	1	0	90	
17	011412	English for Tourism – Hospitality	3	1	1	1	0	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
		(Tiếng Anh Du lịch – Khách sạn)							
18	011415	Corporate culture (Văn hoá doanh nghiệp)	3	1	1	1	0	90	
19	011413	English for Finance – Banking (Tiếng Anh Tài chính – Ngân hàng)	3	1	1	1	0	90	
20	011424	Research writing (Viết nghiên cứu)	2	1	1	0	0	70	
21	011417	Presentation Skills (Public Speaking) (Kỹ năng thuyết trình (Nói trước công chúng))	2	1	0	1	0	55	
<b>V. TỐT NGHIỆP: 6 TÍN CHỈ</b>									
22	011425	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	6	0	0	0	6	120	
<i>Hoặc Thực tập cuối khóa và học 1 Học phần thay thế</i>									
23	011426	Thực tập cuối khóa (Final Internship)	3	0	0	0	3	60	
24	011414	Advanced Translation (Biên dịch nâng cao) (Môn học thay thế)	3	1	1	1	0	90	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>66</b>						